

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

Về việc tranh chấp về xác định

cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Nguyễn Tất Bấy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị M, sinh năm 1988; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh La Văn T, sinh năm 1987; trú tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nông Thị M trình bày:*

Năm 2010, chị đăng ký kết hôn với anh La Văn T. Quá trình chung sống, chị và anh T có 03 con chung, lần lượt là La Thị Y, La Thị T1 và La Quốc C. Đến năm 2016, chị và anh T nảy sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được và đã ly thân từ

năm 2017. Đến ngày 23/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết cho chị và anh T ly hôn, giao ba con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Trong thời gian ly thân với anh T thì chị đã quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Đào Văn Đ. Đến ngày 06/11/2023, chị và anh Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Trong thời gian ly thân, chị M đã nảy sinh tình cảm với anh Đào Văn Đ. Trong các ngày 17/8/2019 và ngày 29/6/2022, chị sinh con, dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con. Mặc dù cháu T2, cháu C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh T nhưng chị đã ly thân với anh T từ năm 2017, không liên lạc, hỏi thăm gì nhau, không chung sống cùng nhau nên chị xác định cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 không phải con chung của chị và anh T.

Theo kết quả giám định ADN thì anh Đào Văn Đ và cháu T2, cháu C1 có quan hệ cha – con. Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh Đào Văn Đ là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1.

** Tại Bản tự khai, bị đơn là anh Đào Văn Đ trình bày :*

Anh quen biết và có quan hệ tình cảm với chị M. Anh được biết chị M đã đăng ký kết hôn với anh La Văn T nhưng đã ly thân từ năm 2017. Trong các ngày 17/8/2019 và ngày 29/6/2022, chị M sinh con, dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Do cháu T2, cháu C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M và anh T nên chị M chưa đăng ký khai sinh được cho cháu. Anh cùng cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 đã làm thủ tục xét nghiệm ADN, kết quả xét nghiệm xác định anh và cháu bé dự định đặt tên là Chu Văn C2 có mối quan hệ cha – con, xác suất 99,999999%.

Nay chị M đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh La Văn T trình bày:*

Anh xác định cháu Nông Thị Ánh T2, sinh ngày 17/8/2019 và Nông Văn C1, sinh ngày 29/6/2022 không phải con ruột của anh và chị Nông Thị M. Hai người con này do chị M quan hệ với người đàn ông khác trong thời gian sống ly thân với anh. Anh không tranh chấp việc xác định đối với hai người con nêu trên, anh đòi hỏi quyền lợi gì. Anh nhất trí với quan điểm, yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M.

** Tại Công văn số 012907/2024/CV-AND ngày 29/7/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn D xác định:*

Công ty có thực hiện việc Giám định xác định quan hệ huyết thống giữa anh Đào Văn Đ (số CCCD: 024091018603 cấp ngày 09/5/2021 tại Cục C3 quản lý hành chính về trật tự xã hội) với cháu Nông Văn C1 (Giấy chứng sinh: Số 56

quyền số 02 cấp ngày 29/6/2022 tại Trung tâm Y tế huyện L) và cháu Nông Thị Ánh T2 (Giấy chứng sinh số 57, quyền số 02, cấp ngày 17/8/2019 tại Trung tâm Y tế huyện L). Người yêu cầu giám định là chị Nông Thị M. Mẫu do nhân viên công ty TNHH D thu mẫu ngày 13/4/2024.

Công ty có ban hành Kết quả xét nghiệm ADN số KQ 207852124 và số KQ 207852224 cùng ngày 13/4/2024 đối với anh Đào Văn Đ (Cha giả định) với cháu Nông Văn C1 (Con giả định) và Nông Thị Ánh T2 (Cha giả định). Kết quả xét nghiệm như sau:

“Người có mẫu ghi tên ĐÀO VĂN ĐỨC” có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên NÔNG VĂN CÚN với độ tin cậy 99,99999%”.

“Người có mẫu ghi tên ĐÀO VĂN ĐỨC” có quan hệ huyết thống cha-con với người có mẫu ghi tên NÔNG ÁNH TUYẾT với độ tin cậy 99,99999%”.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị M, bị đơn anh Đào Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh La Văn T vắng mặt. Hội đồng xét xử đã tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101; khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 11- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M: Xác định anh Đào Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 (Giấy chứng sinh số 57, quyền số 02, cấp ngày 17/8/2019 tại Trung tâm Y tế huyện L) và cháu bé dự định đặt tên là Nông Văn C1 (Giấy chứng sinh: Số 56 quyền số 02 cấp ngày 29/6/2022 tại Trung tâm Y tế huyện L).

- Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nông Thị M yêu cầu Tòa án xác định anh Đào Văn Đ là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 (Giấy chứng sinh số 57, quyển số 02, cấp ngày 17/8/2019 tại Trung tâm Y tế huyện L) và cháu bé dự định đặt tên là Nông Văn C1 (Giấy chứng sinh: Số 56 quyển số 02 cấp ngày 29/6/2022 tại Trung tâm Y tế huyện L; anh Đào Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 28; Điều 35; Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 101, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định đây là quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Thị M, bị đơn anh Đào Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh La Văn T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nông Thị M, anh Đào Văn Đ, anh La Văn T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Chị Nông Thị M và anh La Văn T kết hôn vào ngày 02/02/2010. Quá trình chung sống, chị Nông Thị M và anh La Văn T nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2017. Ngày 23/11/2022, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết cho chị M và anh T ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 60/2022/QĐST-HNGĐ. Trong thời gian ly thân và chưa làm thủ tục ly hôn với anh La Văn T, chị Nông Thị M đã chung sống như vợ chồng với anh Đào Văn Đ. Trong các ngày 17/8/2019 và ngày 29/6/2022, chị sinh con, dự định đặt tên lần lượt là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1. Tại khoản 1, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng*”. Như vậy, thời điểm cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 sinh ra là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nông Thị M và anh La Văn T.

[3.2] Tại khoản 2, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định*”. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị M, anh La Văn T và anh Đào Văn Đ cùng xác định mặc dù cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nông Thị M và anh La Văn T nhưng thực tế thì chị M đã ly thân anh T từ năm 2017. Chị M và anh T không có quan hệ tình cảm gì, không có việc quan hệ vợ chồng, không liên lạc hỏi thăm gì nhau. Chị M và anh T đều xác định cháu Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 không phải con chung của anh, chị. Đây là tình tiết, sự kiện được các đương sự thống nhất nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92- Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 không phải con chung của chị Nông Thị M và anh La Văn T.

[3.3] Tại Kết quả giám định KQ 207852124 và số KQ 207852224 cùng ngày 13/4/2024 của Công ty trách nhiệm hữu hạn D đã kết luận: Người có mẫu ghi tên Đào Văn Đ và người có mẫu ghi tên Nông Thị Ánh T2 và Nông Văn C1 có quan hệ huyết thống cha-con. Việc xét nghiệm thực hiện đảm bảo tính khách quan, trung thực, khoa học, đúng quy định pháp luật.

[3.4] Từ những đánh giá trên, căn cứ vào Kết quả giám định, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M, cần xác định anh Đào Văn Đ là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2 (Giấy chứng sinh số 57, quyển số 02, cấp ngày 17/8/2019 tại Trung tâm Y tế huyện L) và cháu bé dự định đặt tên là Nông Văn C1 (Giấy chứng sinh: Số 56 quyển số 02 cấp ngày 29/6/2022 tại Trung tâm Y tế huyện L).

[4] Về án phí: Đương sự được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 11- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do vậy các đương sự trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280- Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 101, khoản 2, Điều 102- Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 1, Điều 12- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 11- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M: Xác định anh Đào Văn Đ, sinh năm 1991; trú tại thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (số căn cước công dân: 024091018603 cấp ngày 09/5/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Nông Thị Ánh T2, sinh ngày 17/8/2019 (theo Giấy chứng sinh số 57, quyển số 02, cấp ngày 17/8/2019 tại Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang) và cháu bé dự định đặt tên là Nông Văn C1, sinh ngày 29/6/2022 (theo Giấy chứng sinh: Số 56 quyển số 02 cấp ngày 29/6/2022 tại Trung tâm Y tế huyện L, tỉnh Bắc Giang).

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu